

CƠ SỞ TÂM LÝ CỦA VIỆC HÌNH THÀNH HÀNH VI VĂN HOÁ Ở TRẺ LỨA TUỔI MẦM NON

NGÔ CÔNG HOÀN*

Mục tiêu của giáo dục mầm non

"Là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp 1" ⁽¹⁾.

Theo mục tiêu trên, những yếu tố đầu tiên của nhân cách có thể xem những hành vi xã hội được hình thành ở trẻ em trong quá trình chăm sóc giáo dục, như là một tiền đề quan trọng. Tuy nhiên, có được *những hành vi xã hội* trong các lĩnh vực sinh hoạt, vui chơi, giao tiếp... ở trẻ em, là một quá trình chăm sóc, giáo dục tận tụy, tỉ mỉ, chu đáo của các bậc cha mẹ, những người gần gũi trẻ, cô giáo mầm non. Từ hành vi xã hội (ví dụ trẻ em biết nói - hành vi ngôn ngữ, song để nói cho có văn hoá, đòi hỏi người lớn phải thật kỳ công, tập luyện theo các mẫu câu, chuẩn tiếng Việt cho trẻ một cách thường xuyên liên tục) đến hành vi văn hoá, đòi hỏi một quá trình lĩnh hội, tập sử dụng gian khổ ở trẻ, cũng tương tự như vậy đòi hỏi cha mẹ và cô giáo mầm non... hàng giờ, hàng ngày tạo các mẫu, các chuẩn hành vi ở các lĩnh vực đời sống sinh hoạt của trẻ... dùng đối tượng thoả mãn nhu cầu mà uốn nắn, sửa chữa, để sao cho các hành vi xã hội được hình thành ở trẻ phù hợp với các chuẩn mực đòi hỏi của xã

hội đương thời.

Nhiều thành tựu khoa học tâm lý, tâm lý học trẻ em đã chứng minh rằng nội dung tâm lý của trẻ em được hình thành là quá trình phản ánh một phần nội dung nền văn hoá xã hội nơi trẻ sinh ra, lớn lên và hoạt động tích cực ở đó (L.X. Vugótxki). Như vậy, văn hoá là điểm khởi đầu cho sự hình thành hành vi xã hội. Tuy nhiên, để có được những hành vi văn hoá theo yêu cầu đòi hỏi của xã hội đương thời thì không thể diễn ra theo lối phản ánh tự phát của trẻ; mà phải diễn ra theo cách định hướng của xã hội, thông qua việc tổ chức các hoạt động cơ bản của trẻ từ ăn uống, vui chơi, học tập, lao động, giao tiếp...

Hiện nay có nhiều định nghĩa về văn hoá khác nhau của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Định nghĩa của UNESCO: "Văn hoá là tổng thể các hệ thống giá trị bao gồm mặt tình cảm, tri thức, vật chất tinh thần của xã hội. Nó không chỉ thuần túy bó hẹp trong các hoạt động sáng tạo nghệ thuật mà bao hàm cả phương thức sống, những quyền cơ bản của con người, truyền thống, tín ngưỡng..." (Trong bài phát

*PGS.TS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

động "Thập kỷ thế giới phát triển văn hoá", 1987-1997).

A.A. Zvorkin đã xem văn hoá "Là tất cả những gì do con người tạo ra, khác với tất cả những gì do thiên nhiên cung cấp".

Trong từ điển Triết học (NXB Chính trị, Mátxcova - 1972) định nghĩa "Văn hoá là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần và được nhân loại sáng tạo ra trong quá trình hoạt động thực tiễn lịch sử - xã hội, các giá trị ấy nói lên mức độ phát triển của lịch sử xã hội loài người" ⁽²⁾.

Nói về văn hoá, từ năm 1942 Hồ Chí Minh đã viết:

"Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người phải sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn hoá nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở... và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm đáp ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn" ⁽³⁾.

Như vậy con người có được văn hoá là nhờ quá trình rèn luyện, tu dưỡng và giáo dục. Nói cách khác, con người ngoài di truyền sinh học, còn có "di truyền xã hội" và sự nhập thân văn hoá ngay từ trong bụng mẹ.

Giáo dục những chuẩn mực hành vi văn hoá cho trẻ cần phải có thời gian, không nóng vội. Bởi vì chúng ta cần giúp trẻ thấy được giá trị của những

chuẩn mực hành vi để từ đó dưới sự tổ chức và hướng dẫn của người lớn những chuẩn mực này sẽ biến thành cái riêng của cá nhân trẻ.

Để giúp trẻ trở thành người năng động, sáng tạo có khả năng thích ứng cao với môi trường giao lưu hợp tác sau này thì việc giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ là việc làm cần thiết và cần được đặc biệt quan tâm. Hiện nay ngành học mầm non đang vận dụng bằng tất cả các con đường, các phương tiện để giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ. Qua các hoạt động học tập, vui chơi, lao động, các chuyên đề, qua giao tiếp ứng xử... trẻ được giáo dục các chuẩn mực hành vi văn hoá, bước đầu hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ.

Như chúng ta biết trẻ lĩnh hội hành vi văn hoá thông qua *cơ chế nhập tâm, bắt chước và học tập*. Vì thế chúng ta phải tạo điều kiện giúp trẻ lĩnh hội tốt theo đúng cơ chế. Ví dụ: để giáo dục thói quen rửa tay trước khi ăn thì đầu tiên cô phải làm mẫu và hướng dẫn cách làm cho trẻ, tiếp theo trẻ thực hiện vận động bằng sự phối hợp của mắt và đôi bàn tay (giai đoạn *cơ chế nhập tâm*). Sang giai đoạn (*cơ chế bắt chước*): Trẻ sẽ bắt chước trật tự các thao tác hành vi: trẻ rửa tay đúng thao tác theo sự hướng dẫn của cô. Sang cơ chế học tập cô cần cung cấp cho trẻ những hiểu biết về lợi ích của việc rửa tay trước khi ăn và tác hại của việc để tay bẩn. Cô phải chuẩn bị về cơ sở vật chất các thiết bị kỹ thuật: thau chậu, nước rửa, khăn lau... nhằm giúp trẻ thực hiện tốt những chuẩn mực của hành vi.

Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ không phải là một việc làm tùy tiện

mà phải có kế hoạch, nội dung, biện pháp cụ thể. Và để đạt được hiệu quả cao chúng ta cần phải tuân thủ đầy đủ các bước sau:

Bước 1: Người lớn phải tạo các biểu tượng mẫu hành vi cho trẻ. Ở trường mầm non cô giáo có thể dùng các hình thức nêu gương thông qua các tiết học truyện, thơ, các phương tiện thông tin đại chúng. Ở gia đình cũng có thể dùng hình thức này để xây dựng biểu tượng mẫu hành vi. Cần lưu ý việc chọn mẫu sao cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, gần gũi trẻ. Nên tránh những mẫu phức tạp, quá khó trẻ không thể thực hiện được.

Bước 2: Tạo những xúc cảm tích cực gắn với việc thoả mãn nhu cầu của trẻ. Cô nên có những thủ thuật để tạo cho trẻ sự phấn chấn khi trẻ thực hiện đúng mẫu của hành vi. Nếu không đúng mẫu thì cô nhắc nhở một cách nhẹ nhàng. Giáo viên phải có những biện pháp kích thích để trẻ tự nguyện tự giác thực hiện hành vi.

Bước 3: Kích thích củng cố bằng ngôn ngữ:

Giáo viên hoặc người lớn phải giải thích ý nghĩa, vì sao phải thực hiện hành vi đó. Việc giải thích cần nhẹ nhàng, tế nhị để trẻ hiểu vì sao phải làm như vậy. Khen chê, động viên, khích lệ, trách phạt phải đúng lúc kịp thời.

Bước 4: Hình thành thói quen hành vi văn hoá.

Giáo viên phải gắn hành vi văn hoá với quá trình thoả mãn nhu cầu của trẻ.

Bước 5: Kích thích củng cố bằng ngôn ngữ được mở rộng: bằng tri thức,

niềm tin, động cơ đạo đức. Củng cố có thể bằng trực tiếp, gián tiếp (qua câu chuyện, nêu gương...).

Bước 6: Đánh giá khích lệ, khen chê kịp thời.

Trong ngành mầm non khen chê là biện pháp tốt nhất để kích thích trẻ, khen chê phải đúng, phải nhất quán.

Khi trẻ đã lĩnh hội được hành vi văn hoá, người lớn phải tạo điều kiện cho trẻ được luyện tập nhiều lần để biến thành nếp sống thói quen. Trong quá trình luyện tập cô giáo phải chú ý quan sát các hình thức biểu hiện hành vi văn hoá ở trẻ để khen thưởng động viên kịp thời những hành vi chuẩn mực, đồng thời uốn nắn, sửa chữa những hành vi chưa đúng. Có nhiều hình thức biểu hiện hành vi văn hoá ở trẻ. Hành vi văn hoá biểu hiện qua ngôn ngữ. Hành vi ngôn ngữ nói: người thực hiện hành vi phải thể hiện được giọng điệu, cách phát âm phù hợp. Chẳng hạn để giáo dục hành vi văn hoá: biết nhận lỗi khi có lỗi, cô giáo cần phải lưu ý đến giọng điệu trẻ phát ra khi nói lời xin lỗi, phải thể hiện được sự thành tâm nhận lỗi, cần nhắc nhở với thái độ xin lỗi cho qua chuyện, cau có, gắt gỏng. Hành vi ngôn ngữ nói phải phù hợp với trạng thái xúc cảm của bản thân và những chuẩn mực hành vi xã hội. Hành vi ngôn ngữ nói còn thể hiện qua cách dùng từ, qua sự khiêm tốn, hay tự cao của bản thân, qua mật độ thông tin của hành vi ngôn ngữ.

Hành vi văn hoá được thể hiện qua hành vi ngôn ngữ viết, điều này được thể hiện qua việc sử dụng ngữ pháp phải chuẩn tiếng Việt, dùng từ phải dễ hiểu, mạch lạc, rõ ràng, khúc chiết, biểu đạt được tâm tư, tình cảm,

nguyện vọng, nhu cầu của người thực hiện cũng như của một nhóm cộng đồng xã hội.

Phong cách viết phải phù hợp với chủ đề văn bản. Ví dụ: Khi viết về các công trình khoa học phải sử dụng văn phong khoa học.

Hành vi văn hoá còn được thể hiện qua hành vi không lời biểu hiện ở cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt nụ cười, qua phản ứng hành vi xúc cảm biểu cảm. Ví dụ: Qua những phản ứng hành vi của trẻ, qua ánh mắt, điệu bộ, cử chỉ ta biết được trẻ thích hay không thích thực hiện hành vi đó, từ đó ta có những biện pháp điều chỉnh kích thích để nâng cao hiệu quả của hành vi.

Hành vi văn hoá được biểu hiện ở các lĩnh vực hoạt động cá nhân như trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, trong lĩnh vực học tập, trong lao động tự phục vụ, trong việc sử dụng đồ dùng dụng cụ, trong lễ hội, trong giao tiếp.

Ở mỗi lĩnh vực khác nhau những quy định về việc thực hiện chuẩn mực hành vi văn hoá là có sự khác nhau và yêu cầu người thực hiện phải tuân thủ đúng quy định. Ví dụ: để giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ trong ăn uống, ngủ nghỉ, vui chơi thì người có hành vi văn hoá là ăn: thường phải đúng bữa, đúng giờ, đúng nơi quy định, ăn hết xuất không rơi vãi, ăn phải đảm bảo theo phong tục tập quán... Ngủ, nghỉ đúng giờ. Vui chơi phải nắm vững quy trình thao tác luật chơi, vai chơi để có hành vi văn hoá phù hợp. Ngược lại, nếu như khi ăn nói chuyện ồn ào, nhai thức ăn một cách ngồm ngoàm, húp canh sột soạt, khi ho không biết quay ra ngoài... có thể nói là người như thế là chưa có

hành vi văn hoá trong ăn uống, do cha mẹ ít khi quan tâm, trẻ được cưng chiều. Vì thế cô giáo mầm non phải chịu khó thường xuyên luyện tập các hành vi văn hoá trong sinh hoạt để biến thành thói quen cho trẻ.

Để giúp trẻ có thói quen tốt trong học tập chuẩn bị cho việc học ở lớp 1, giáo viên cần phải giáo dục cho trẻ những hành vi văn hoá trong học tập như: biết kiềm chế cảm xúc, biết giơ tay xin phép cô, biết cách trả lời, biết sử dụng dụng cụ, biết giữ gìn, biết lắng nghe ý kiến của cô giáo và các bạn, không nói chen ngang khi người khác đang nói, chỉ được nói khi cô giáo cho phép, khi ra khỏi lớp trong giờ học phải xin phép, biết chuẩn bị bài trước khi lên lớp. Một lớp học sẽ không có nề nếp như học sinh không biết cách kiềm chế những cảm xúc, chẳng hạn thích thì ngồi, không thích thì bỏ ra ngoài, hoặc là muốn phát biểu thì nói, không cần xin phép, hay là nói chuyện ồn ào trong giờ học, quay ngang quay ngửa trong giờ học... Tất cả những hành vi sai trái trên cần phải được nhắc nhở uốn nắn kịp thời để giúp trẻ có thói quen đúng đắn trong học tập.

Trong lao động tự phục vụ người lớn cũng cần chú ý giáo dục trẻ các hành vi văn hoá như biết sử dụng những hành vi thông thường như rửa mặt, cài khuy, biết thể hiện các trạng thái nhu cầu của bản thân: gìn giữ vệ sinh công cộng, nhà ở, biết giúp đỡ bạn bè, cô giáo, anh chị em, cha mẹ, biết làm những ông việc phù hợp với sức của mình. Nếu trẻ chưa có được những thói quen trên người lớn cần có những biện pháp động viên nhắc nhở kịp thời.

Hành vi văn hoá trong sử dụng

đồ dùng dụng cụ. Trẻ phải biết sử dụng đúng quy trình thao tác hành vi phù hợp. Ví dụ: sử dụng dao, kéo không đúng cách thì cắt không đứt thậm chí có thể đứt tay, sử dụng bàn ghế đúng chức năng, đúng việc, ngồi đúng tư thế, biết quét nhà, lau nhà, lấy, cất đồ dùng đúng nơi quy định. Những biểu hiện hành vi văn hoá này được trẻ thể hiện hàng ngày qua hoạt động vui chơi, hoạt động học tập và một số các hoạt động khác. Cô giáo nên quan tâm và nhắc nhở trẻ thực hiện đúng mẫu của hành vi.

Trong lễ hội cần giáo dục trẻ những hành vi văn hoá như: không nói cười âm ỉ nơi đông người. Tôn trọng mọi người, biết nghe người lớn, biết gìn giữ bảo vệ các đồ dùng vật dụng phục vụ lễ hội, biết nhường chỗ ngồi cho người già, người tàn tật, biết đưa đồ dùng cho người xung quanh bằng hai tay, biết thực hiện đúng những quy định của lễ hội, chẳng hạn như người lớn không nên cười nói luyên thuyên, không nên trang điểm quá lòe loẹt khi đi dự đám tang, không nói chuyện riêng trong lễ hội khi có người đang thuyết trình, không thể mang một gương mặt buồn (chuyện riêng của gia đình) đến dự một đám cưới.

Trong cuộc sống hàng ngày con người không thể sống thiếu giao tiếp, thiếu giao tiếp con người sẽ phát triển què quặt, nhiều quan sát khoa học đã chứng minh trẻ em không trở thành người lớn, không nói được tiếng người vì không được sống trong xã hội loài người, không được giao tiếp, đặc biệt trong giai đoạn giao lưu hợp tác hiện nay; nó quyết định sự thành công hay thất bại của một con người. Chính vì thế người lớn cần phải giáo dục cho trẻ

những hành vi văn hoá trong giao tiếp. Những hành vi văn hoá đó là phải biết chào hỏi người lớn khi gặp gỡ, chia tay cho phù hợp. Biết thể hiện qua hành vi những nhu cầu cá nhân, có lỗi biết nhận lỗi, biết thể hiện qua hành vi tha thứ lỗi lầm. Biết thể hiện sự quan tâm những người xung quanh qua hành vi, chẳng hạn như thấy bạn buồn thì phải hỏi thăm và an ủi bạn, thấy bạn khóc thì nên dỗ dành, không chửi bạn, không gây gổ với bạn, giành đồ chơi của bạn khi hoạt động vui chơi với nhau. Ví dụ như khi trẻ đánh bạn thì đó là hành vi sai, cô đến nhắc nhở trẻ cô phải giúp trẻ cảm nhận được sự quan tâm của cô đối với trẻ, trẻ phải biết tiếp nhận lời chỉ bảo của cô thể hiện qua hành vi đồng tình, trẻ hứa biết sửa lỗi.

Giáo dục trẻ biết thể hiện hành vi chia sẻ đồng cảm với những người xung quanh, biết thể hiện lòng tự trọng qua hành vi, biết diễn đạt ý nghĩ và cảm xúc của mình qua hành vi. Ví dụ như trẻ biết vui cùng với niềm vui của bạn, khi thấy buồn trẻ biết quan tâm an ủi, biết thể hiện được lòng tự trọng khi bị người khác xúc phạm. Chẳng hạn như trẻ 5 tuổi sẽ không đồng ý khi ta nói rằng trẻ "ngu quá không biết gì", trẻ sẽ có những phản ứng chống lại lời nói đó như: giận dỗi, không nói chuyện, không ăn, trẻ buồn thậm chí trẻ khóc nếu như người lớn nhiều lần không hiểu được những ý nghĩ và cảm xúc của trẻ. Chính vì thế để giáo dục những hành vi văn hoá trong giao tiếp là một việc làm khó khăn, cô giáo phải thường xuyên quan tâm đến trẻ, tìm hiểu những cảm xúc ý nghĩa tình cảm của trẻ, từ đó có những tác động phù hợp thì việc giáo dục hành vi văn hoá mới đạt hiệu quả cao.

Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ em là một việc làm cực kỳ quan trọng và hết sức cần thiết. Bởi vì văn hoá có vai trò quan trọng trong sự phát triển. Sự phát triển văn hoá trong từng cá nhân cũng chính là sự phát triển chung của xã hội. Đối với mỗi con người, việc hình thành cho mình lối sống có văn hoá là hết sức quan trọng, bởi đó chính là nhân cách văn hoá. Khi sinh ra và lớn lên con người sống trong môi trường văn hoá nhất định và chịu ảnh hưởng của môi trường văn hoá đó. Môi trường văn hoá có ảnh hưởng đến tâm lý cá nhân trẻ. Vậy khi giáo dục trẻ em cần quan tâm đến nền văn hoá xã hội cộng đồng và gia đình, bởi đó là cơ sở ban đầu và cơ bản đối với sự phát triển nhân cách.

Những hành vi văn hoá có thể xem đó là những chuẩn mực của xã hội, đạo lý làm người mà buộc mỗi con người sống trong xã hội phải tuân theo. Giáo dục hành vi văn hoá cho lứa tuổi trưởng thành đôi khi dễ dàng hơn lứa tuổi mầm non vì người lớn đã có ý thức, trẻ lứa tuổi mầm non đang hình thành ý thức và ý chí, vì thế việc giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ phải được tiến hành trong thời gian dài, thường xuyên được củng cố luyện tập để trở thành thói quen. ♣

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Luật giáo dục*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, trang 15.
2. *Từ điển triết học*. NXB Chính trị Mátxcova, 1972.
3. *Hồ Chí Minh toàn tập*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội...

TÂM LÝ ĐÁM ĐÔNG...

(Tiếp theo trang 5)

sự xuất hiện của tâm lý đám đông gây rối có thể do sự bột phát, ngộ nhận, có thể do sự kích động và lôi kéo của lực lượng thù địch, do chưa có nhận thức đúng về lợi ích cơ bản, về giá trị đích thực của tương lai đất nước, một số người đã tụ tập với những hành động quá khích làm náo động cuộc sống bình thường, *chúng ta đã có một cảm nang, một bảo bối là tư tưởng dân vận của Hồ Chí Minh* và lời căn dặn của Bác trong Di chúc: cán bộ phải là *người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân dân*. Chúng ta tiến hành chỉnh đốn Đảng cũng là để thực hiện tốt hơn tư tưởng dân vận của Bác Hồ. Mỗi cán bộ ở bất cứ lĩnh vực nào – quân, dân, chính, Đảng – ở bất cứ cấp nào – từ Trung ương đến địa phương - đều phải coi công tác dân vận có tầm quan trọng đặc biệt để đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân tiến lên, để CNH, HĐH đất nước sớm được thực hiện. Đây cũng là một bảo đảm vững chắc để tạo lập sự thống nhất cao độ giữa tự ý thức dân tộc chân chính và tâm lý chân chính của đông đảo quần chúng nhân dân. ♣

Chú thích

1. Theo Phụ lục Bản đồ về các cuộc khởi nghĩa tại các tỉnh trong cuốn "*Lịch sử Cách mạng Tháng Tám 1945*", Viện Lịch sử Đảng. NXB Chính trị Quốc gia, 1995.
2. Dẫn theo *Lịch sử Việt Nam 1965 – 1975*, Viện Sử học, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, trang 558, 559, 560.